

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1008 /QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 27 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022 và giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;



Căn cứ Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 36/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 4482/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty mẹ, công ty TNHH MTV độc lập do UBND thành phố quyết định thành lập; Quyết định 990/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND thành phố về điều chỉnh quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty mẹ, công ty TNHH MTV độc lập do UBND thành phố quyết định thành lập ban hành kèm theo Quyết định 4482/QĐ-UBND ngày 29/8/2016;

Căn cứ Điểm d, Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố; Công văn số 306/UBND-KT ngày 28/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm (2021-2025); kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Thành phố; Công văn số 641/UBND-KT ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng kế hoạch tài chính năm 2022 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về phê duyệt Chiến lược phát triển doanh nghiệp, Kế hoạch

sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp tại Công văn số 21/DVCI ngày 11/02/2022, Công văn số 91/DVCI-TCKH ngày 26/4/2022, Báo cáo số 36/BC-KSV ngày 21/9/2021 của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp và ý kiến thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 317/TTr-TCKH ngày 26/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022 đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp như sau:

1. Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch:

- Mục tiêu tổng quát: Thực hiện chủ trương sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước đảm bảo tiến độ theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố; đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng các sản phẩm dịch vụ công ích theo sản lượng được giao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn quy định; đồng thời nỗ lực duy trì các hoạt động kinh doanh đang có, phát triển kinh doanh theo hướng thiết thực, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

- Mục tiêu cụ thể: Phần đầu năm 2022 đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân trên 4% so với năm trước; trong đó, doanh thu từ hoạt động cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích khác (nguồn kinh phí ngoài ngân sách) tăng trưởng 9%, phát triển các ngành nghề khác phần đầu đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân 11%.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

a) Tổng doanh thu: **149.406,8 triệu đồng**; trong đó: Doanh thu hoạt động công ích là **141.098,7 triệu đồng**.

b) Lợi nhuận trước thuế: **15.676 triệu đồng**.

c) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước: **14.051 triệu đồng**.

(Nội dung chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp theo Phụ lục 2 đính kèm.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm:

1. Hoàn chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022; tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng và quản lý nguồn vốn đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2. Rà soát lại danh mục dự kiến đầu tư, mua sắm trong năm 2022, chỉ quyết định đầu tư, mua sắm các hạng mục cần thiết, ưu tiên hạng mục đầu tư



phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công ích phù hợp với khả năng triển khai thực hiện và nguồn vốn hiện có (quỹ đầu tư phát triển, vốn chủ sở hữu).

3. Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2022 và công khai thông tin theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Điều 4. Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022 và báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của các phòng chuyên môn trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị theo chức năng nhiệm vụ được phân công thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022 theo quy định của pháp luật về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Quản lý đô thị; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND Thành phố;
- Chi cục TCDN;
- Lưu: VT, PTCKH(Ninh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Anh Khang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 1
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021		THỰC HIỆN NĂM 2021		KẾ HOẠCH NĂM 2022		Tỷ lệ thực hiện 2021/kế hoạch 2021	Tỷ lệ Kế hoạch 2022/thực hiện 2021
		Sản lượng	Giá trị (triệu đồng)	Sản lượng	Giá trị (triệu đồng)	Sản lượng	Giá trị (triệu đồng)		
A	TỔNG DOANH THU (I+II)		151.786,8		143.720,2		149.406,8	94,7%	104,0%
I	Doanh thu hoạt động công ích		140.827,7		136.252,8		141.098,7	96,8%	103,6%
1	Doanh thu hoạt động công ích cố định theo hợp đồng đã ký từ nguồn ngân sách		132.078,0		127.976,8		132.078,0	96,9%	103,2%
a	Quét dọn thu gom rác	348.413	41.059,0	347.455	40.946,0	348.413,0	41.059,0	99,7%	100,3%
b	Vận chuyển rác	119.283	23.205,0	120.866	23.205,4	119.283,0	23.205,0	100,0%	100,0%
c	Chăm sóc cây xanh	764.272	12.591,0	764.272	12.591,0	764.272,0	12.591,0	100,0%	100,0%
d	Duy tu thoát nước, giao thông		55.223,0		51.234,3		55.223,0	92,8%	107,8%
	- Duy tu thoát nước	314.761	47.510,0	289.353	43.521,7	314.761,0	47.510,0	91,6%	109,2%
	- Duy tu giao thông	30.340	7.713,0	30.507	7.712,7	30.340,0	7.713,0	100,0%	100,0%
2	Doanh thu hoạt động công ích khác		8.749,7		8.276,0		9.020,7	94,6%	109,0%
	Trong đó: Thu gom, vận chuyển rác lẻ		4.799,7		3.805,1		4.608,7	79,3%	121,1%
II	Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		10.959,1		7.467,4		8.308,1	68,1%	111,3%
B	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		16.212,1		15.069,9		15.676,0	93,0%	104,0%
	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		10,68%		10,49%		10,49%	98,2%	100,1%
C	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH		15.584,3		16.242,0	-	14.051,1	104,2%	86,5%
1	Thuế		11.281,3		11.017,0		11.048,1	97,7%	100,3%
	Trong đó: thuế TNDN		3.242,4		2.109,0		3.135,2	65,0%	148,7%
2	Các khoản phải nộp ngân sách khác		4.303,0		5.225,0		3.003,0	121,4%	57,5%
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1	Vốn chủ sở hữu		38.521,0		33.759,0		33.759,0		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)		33,67%		38,39%		37,15%		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 2
CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP VÀ XẾP LOẠI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Kế hoạch năm 2022	Yêu cầu	Nội dung đánh giá các chỉ tiêu
1	Chỉ tiêu 1: Tổng doanh thu (triệu đồng)	149.406,8	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định tại văn bản khác có liên quan
	Trong đó: Doanh thu hoạt động công ích	141.098,7	<i>Hoàn thành 100% sản lượng giao thực tế đối với hoạt động công ích theo hợp đồng kinh phí từ nguồn ngân sách</i>	
2	Chỉ tiêu 2: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	37,15%	<i>Đạt hoặc vượt tỷ lệ kế hoạch giao</i>	
3	Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn		<i>Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn, Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 lần</i>	
4	Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành		<i>Doanh nghiệp không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm cơ chế, chính sách một trong những lĩnh vực đã nêu tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>	
5	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích		<i>Hoàn thành 100% kế hoạch về sản lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích, bảo đảm tiêu chuẩn quy định</i>	